TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HSST

Ngày: 23-02-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thảo Linh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hoà

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Trúc Phương, là Thư ký của Toà án nhân dân Tp. Quy Nhơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***: Bà Mai Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 2 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 270/2022/HSST ngày 30/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS ngày 16/01/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 11/2023/HSST-QĐHPT ngày 09/02/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Minh T, giới tính: Nam; sinh ngày 19/01/2005 tại huyện T, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn Xuân P, xã Phước S, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Công giáo; Con ông: Trần Minh Th (chết) và bà: Trần Thị T, sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/10/2022 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa*:

Bà Lê Tôn Nữ Kim Y – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo Trần Minh T là người dưới 18 tuổi do trung tâm giới thiệu. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1997; Nơi ĐKNKTT: Thôn Phú Hưng, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: 85/8 Hoàng Văn T, phường Q, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn Xuân P, xã Phước S, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2001; Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã Bình T, huyện T, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: 85/8 Hoàng Văn T phường Q, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt.)

2. Anh Lê Hữu P, sinh năm 2000; Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã P, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: 85/8 Hoàng Văn T, phường Q, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T thuê trọ tại phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của ông Tô Đình V ở hẻm 85/8 Hoàng Văn T, TP Quy Nhơn, Bình Định. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của những người đang thuê trọ tại đây. Sau khi quan sát những người trong khu trọ đi hết thì khoảng 13 giờ ngày 09/9/2022, Trường lén lút đột nhập vào phòng trọ số 03 lục tìm tài sản để trộm nhưng không có tài sản. T tiếp tục leo qua vào phòng trọ số 02 của chị Nguyễn Thị Mỹ T lấy trộm 01 ví da bên trong có tiền, vàng cất vào trong người rồi rời đi. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô 77G1- 880.30 mang theo tài sản đi đến đoạn đường Điện Biên Phủ thì dừng xe kiểm tra bên trong có 05 triệu đồng tiền mặt, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng mặt trong có ghi "Mỹ Long 9999 Qui Nhơn 1C", 01 nhẫn vàng mặt trong có ghi "Tuấn Phú Trọng 9999 Vi Tính 2C" và một số giấy tờ tùy thân của chị T. T lấy tiền, vàng cất còn giấy tờ và ví da T vứt bỏ vào bụi cây bên đường (không thu hồi được), số tiền trộm được T đã tiêu xài hết 03 triệu đồng.

Tại Công an phường Quang Trung, Trần Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình và giao nộp số tiền 02 triệu đồng còn lại cùng 02 nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền vàng mà mình đã trộm cắp.

Ngày 18/10/2022, Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng kết luận:

+ 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong có ghi "Mỹ Long 9999 Qui Nhơn 1C" gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 99,9%; khối lượng mẫu là 3,74 gam.

+ 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong có ghi "Tuấn Phú Trọng 9999 Vi Tính 2C" gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 99,9%; khối lượng mẫu là 7,49 gam.

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng gồm nhiều mắt xích nối lại với nhau gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 61%; khối lượng mẫu là 6,97 gam.

Ngày 01/12/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố hình tụng hình sự thành phố Quy Nhơn kết luận:

+ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong có dòng chữ "Mỹ Long 9999 Qui Nhơn 1C", hàm lượng vàng là 99,9%, trọng lượng 3,74 gam có giá trị là: 5.165.000 đồng.

+ 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong có dòng chữ "Tuấn Phú Trọng 9999 Vi Tính 2C", hàm lượng vàng là 99,9%, trọng lượng 7,49 gam có giá trị là: 10.330.000 đồng.

+ 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng gồm nhiều mắt xích nối lại với nhau, hàm lượng vàng là 61%, trọng lượng 6,97gam có giá trị là 6.300.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Quy Nhơn tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng hàm lượng vàng là 61%, trọng lượng 6,97gam; 01 chiếc nhẫn màu vàng, mặt trong có dòng chữ "Mỹ Long 9999 Qui Nhơn 1C", hàm lượng vàng là 99,9%, trọng lượng 3,74 gam; 01 chiếc nhẫn vàng, mặt trong có dòng chữ "Tuấn Phú Trọng 9999 Vi Tính 2C", hàm lượng vàng là 99,9%, trọng lượng 7,49 gam và đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Minh T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 3.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSQN ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố bị cáo Trần Minh Trường về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Trần Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo cáo trạng. Bị cáo Trần Minh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sữa chữa, bồi thường thiệt hại nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Mỹ T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và ngày 7/2/2023 bị cáo đã bồi thường số tiền 3.000.000đồng nên không xem xét giải quyết.

Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Tôn Nữ Kim Y bào chữa cho bị cáo Trần Minh T: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn đã truy tố đối với bị cáo Trần Minh T. Bị cáo phạm tội ở tuổi chưa thành niên nên nhận thức về pháp luật và xã hội của bị cáo hạn chế ; bị cáo có nhân thân tốt, trước đây chưa vi phạm gì, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tự nguyện sữa chữa, bồi thường thiệt hại. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh T 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo còn về lao động phụ giúp gia đình.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/09/2022, tại phòng trọ số 2, địa chỉ Tổ 20A, khu vực 2, phường Q, Tp. Quy Nhơn, bị cáo Trần Minh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Mỹ T gồm: Số tiền 5 triệu đồng, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng mặt trong có ghi "Mỹ Long 9999 Qui Nhơn 1C", 01 nhẫn vàng mặt trong có ghi "Tuấn Phú Trọng 9999 Vi Tính 2C". Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 26.795.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam, xem thường pháp luật, đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng trị giá 26.795.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố bị cáo Trần Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần phải xử phạt nghiêm, mới có tác dụng giáo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có vi phạm gì.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện sữa chữa, bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo tốt, sớm tái hoà nhập cộng đồng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Minh T đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 3.000.000đồng. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nên phải chịu án phí hình sự án sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt đối với bị cáo Trần Minh T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ, toàn diện. Hội đồng xét xử, sẽ cân nhắc khi áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23 của NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Minh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Văn Thảo Linh Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 20’ ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Văn Thảo Linh Phương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hoà

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Tiến hành Nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 270/2022/HSST ngày 30/12/2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Minh Trường; sinh năm 2005

Nơi cư trú: Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án có thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do luật sư, bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp: Trong quá trình điều tra, truy tố các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập theo trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về tội danh, điều luật áp dụng:

Đủ căn cứ để xác định các bị cáo Trần Minh Trường phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Hình phạt, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Minh Trường 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Bị cáo có thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Án phí hình sự, án phí dân sự; xử lý vật chứng; tài sản bị kê biên, tài khoản bị phong tỏa:

Án phí: Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Minh Trường phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

7. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

8) Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 50 phút, ngày 23 tháng 02 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HĐ XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thảo Linh Phương